TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ ĐỒN** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 47/2019/QĐST–HNGĐ	*Chợ Đồn, ngày 04 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 47/2019/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Bế Thị N – sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

* Bị đơn: Anh Bùi Xuân C – sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bế Thị N và anh Bùi Xuân C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bế Thị N và anh Bùi Xuân C thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Chị Bế Thị N và anh Bùi Xuân C có 02 con chung, con lớn tên

là Bùi Thị Mỹ D sinh ngày 11/02/2008, con nhỏ tên là Bùi Mỹ D1 sinh ngày 03/7/2015. Khi ly hôn, chị N và anh C thỏa thuận, thống nhất như sau: Giao con chung Bùi Thị Mỹ D cho anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung Bùi Mỹ D1 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con chung đủ 18 tuổi và hai bên đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Bế Thị N phải chịu 75.000^{đ} án phí dân sự sơ thẩm; Anh Bùi Xuân C phải chịu 75.000^{đ} án phí dân sự sơ thẩm. Ghi nhận việc chị Bế Thị N tự nguyện chịu toàn bộ án phí vụ án ly hôn với số tiền là 150.000^{đ} (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} mà chị N đã nộp theo biên lai số 06084 ngày 10/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Chị Bế Thị N được hoàn lại 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh + BBGN 1;
- VKSND huyện Chợ Đồn 1;
- THADS H. Chợ Đồn 1;
- UBND xã P (Nơi đăng ký kết hôn) 1 ;
- Các đương sự 2;
- Lưu HS, VT 2.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đặng Đình Hưng